



TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Số: 409 /TMDK-VP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tp. HCM, ngày 15 tháng 3 năm 2021

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

I- GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC CÔNG BỐ THÔNG TIN

- Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ (PETECHIM JSC)
- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 11, Tòa nhà Petroland, Số 12, Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Điện thoại: 84.28.54112323 Fax: 84.28.54112332

II- NỘI DUNG THÔNG TIN CÔNG BỐ

Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí (Petechem JSC) xin công bố thông tin sau:
Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 của Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí (Petechem JSC).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, VP, NTKN-03

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

TỔNG GIÁM ĐỐC



Đỗ Thị Bích Hà

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN
THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	14 - 39

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0305447723, đăng ký lần đầu ngày 05 tháng 01 năm 2008 và đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 10 tháng 5 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : Tầng 11, Tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại : +84 (028) 5411 2323
- Fax : +84 (028) 5411 2332

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Mua bán thiết bị, phụ tùng, vật tư, hóa chất ngành dầu khí, ngành xây dựng, ngành giao thông vận tải, nông – lâm – ngư nghiệp;
- Mua bán đồ dùng cá nhân và gia đình, nông lâm sản, gia súc, gia cầm (trừ kinh doanh động vật hoang dã thuộc danh mục điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc tham gia quy định và các loại động vật quý hiếm khác cần được bảo vệ), lương thực, thực phẩm, thuốc lá điều sản xuất trong nước, thuốc lá; thuốc lá;
- Mua bán trang thiết bị phòng cháy chữa cháy, trang thiết bị bảo vệ môi trường, trang thiết bị y tế;
- Môi giới hàng hải;
- Cho thuê tàu, phương tiện nổi, giàn khoan;
- Dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu;
- Dịch vụ khai thuê hải quan;
- Dịch vụ đóng mới, sửa chữa máy móc tàu thuyền, giàn khoan và phương tiện nổi (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở; không thiết kế phương tiện vận tải);
- Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô;
- Kinh doanh vận tải biển;
- Đại lý vận tải biển;
- Đại lý mua bán, ký gởi hàng hóa;
- Tư vấn xây dựng (trừ khảo sát xây dựng, thiết kế công trình, giám sát thi công);
- Tư vấn đầu thầu, quản lý dự án, tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán);
- Sản xuất, mua bán phương tiện vận tải, hàng điện tử, trang thiết bị trường học, tinh dầu, hương liệu và nguyên liệu sản xuất hóa mỹ phẩm, bia, rượu, nước giải khát (không kinh doanh ăn uống tại trụ sở);
- Hàng may mặc, giày dép, hàng dệt may, hàng thủ công mỹ nghệ, sản phẩm từ gỗ, tre, nứa, rom, rạ, gôm, sứ, vật liệu xây dựng (không tẩy, nhuộm, hồ, in trên sản phẩm dệt, may đan; không gia công cơ khí, sản xuất gôm, sứ thủy tinh, rượu, bia, nước giải khát tại trụ sở);
- Khai thác và mua bán khoáng sản (không khai thác tại trụ sở);
- Dịch vụ tư vấn chuyển giao công nghệ;
- Xây dựng cầu cảng biển, công trình công nghiệp, công trình dân dụng, công trình dầu khí, công trình thủy điện;
- Kinh doanh du lịch sinh thái, khu vui chơi giải trí (không hoạt động tại trụ sở);
- Dịch vụ lưu trú: khách sạn – nhà hàng ăn uống (khách sạn phải đạt tiêu chuẩn sao và không kinh doanh nhà hàng, khách sạn tại trụ sở);
- Trồng rừng và chăm sóc rừng trồng;
- Đại lý kinh doanh xăng dầu và các sản phẩm liên quan (trừ gas và không hoạt động tại trụ sở);
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm; thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông; máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng;
- Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm, thiết bị viễn thông, thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh;

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Lập trình máy vi tính; tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính; hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy tính; xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan;
- Quảng cáo; nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận; cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính); sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi; thiết bị liên lạc (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở).

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Trần Đức Chính	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 10 năm 2018
Ông Đỗ Quang Thuận	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2019
Ông Trần Hoài Nam	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 13 tháng 4 năm 2016
Ông Võ Khánh Hưng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2018
Ông Hoàng Dương	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 25 tháng 9 năm 2020

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Đỗ Thị Bích Hà	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2018
Ông Trần Mạnh Hùng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 4 năm 2008

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Bà Đỗ Thị Bích Hà – Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2018).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

0044
CÔNG
H NHIỆ
TOÁN
A &
H-T.F

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc.



Đỗ Thị Bích Hà
Tổng Giám đốc

Ngày 09 tháng 3 năm 2021



Số: 1.0293/21/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 09 tháng 3 năm 2021, từ trang 07 đến trang 39, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của kết luận ngoại trừ

Như đã trình bày ở thuyết minh số V.3 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính, khoản công nợ phải thu Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí với số tiền 33.345.000.000 VND đã quá hạn. Công ty đã nộp hồ sơ khiếu kiện lên Tòa án nhân dân TP. Vũng Tàu và đã nhận được Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các bên về việc Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí sẽ thanh toán nợ gốc và lãi cho Công ty thành 3 đợt từ ngày 30 tháng 4 năm 2020 đến ngày 30 tháng 9 năm 2020 với số tiền gốc là 33.345.000.000 VND và lãi là 900.000.000 VND. Tuy nhiên, cho đến thời điểm hiện tại Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí mới chỉ thanh toán 100.000.000 VND, số còn lại vẫn chưa thanh toán cho Công ty theo lịch trả nợ đã cam kết. Các bằng chứng kiểm toán hiện có vẫn chưa đủ để đánh giá khả năng thu hồi đối với khoản nợ này. Do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải lập dự phòng cho khoản công nợ này hay không cũng như số dự phòng cần phải trích lập, nếu có.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác. Kiểm toán viên của công ty kiểm toán này đã đưa ra Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 vào ngày 16 tháng 3 năm 2020 với ý kiến ngoại trừ về lập dự phòng nợ phải thu khó đòi, tính đúng kỳ của chi phí dự phòng giảm giá hàng tồn kho chậm luân chuyển và dự phòng cho khoản đầu tư vào công ty con.



Nguyễn Chí Dũng - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0100-2018-008-1



Nguyễn Quang Châu - Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2607-2018-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 3 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		211.081.084.515	233.479.266.227
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	52.104.341.981	28.403.922.698
1. Tiền	111		22.629.246.638	7.927.257.867
2. Các khoản tương đương tiền	112		29.475.095.343	20.476.664.831
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		24.486.290.756	55.067.413.578
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2a	-	37.027.459.622
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	V.2a	-	(272.779.622)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2b	24.486.290.756	18.312.733.578
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		133.749.750.256	144.290.739.300
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	111.066.403.613	139.997.802.439
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	21.376.884.305	17.836.263.700
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	10.756.882.221	1.172.599.517
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(9.450.419.883)	(14.715.926.356)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		57.591.572	5.603.643.587
1. Hàng tồn kho	141	V.7	57.591.572	5.603.643.587
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		683.109.950	113.547.064
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		683.109.950	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	-	113.547.064
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		95.162.243.274	106.893.475.780
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		35.000.000	10.631.669.900
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	35.000.000	10.631.669.900
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		38.892.901.157	39.987.468.111
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	36.811.950.504	37.892.551.006
- Nguyên giá	222		50.030.779.912	50.030.779.912
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(13.218.829.408)	(12.138.228.906)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	2.080.950.653	2.094.917.105
- Nguyên giá	228		2.334.472.660	2.334.472.660
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(253.522.007)	(239.555.555)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		55.486.687.800	55.486.687.800
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2c	31.486.687.800	31.486.687.800
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2c	-	2.500.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2c	24.000.000.000	24.000.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2c	-	(2.500.000.000)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		747.654.317	787.649.969
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	747.654.317	787.649.969
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		306.243.327.789	340.372.742.007

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		103.311.997.965	137.907.912.777
I. Nợ ngắn hạn	310		82.057.150.065	97.518.547.077
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11a, c	62.248.333.747	65.401.921.679
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	9.430.000.000	10.065.586.862
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	181.768.558	1.088.889.518
4. Phải trả người lao động	314		7.415.039	3.104.070.961
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	1.704.416.820	5.487.833.380
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	648.277.231
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	8.417.044.564	11.653.796.109
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16	-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		68.171.337	68.171.337
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		21.254.847.900	40.389.365.700
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.11b, c	21.254.847.900	25.119.365.700
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	15.270.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		202.931.329.824	202.464.829.230
I. Vốn chủ sở hữu	410		202.931.329.824	202.464.829.230
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.17a,b,c	200.000.000.000	200.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		200.000.000.000	200.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.17a	35.005.342.627	35.005.342.627
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.17a	(32.074.012.803)	(32.540.513.397)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(32.540.513.397)	(32.540.513.397)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		466.500.594	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		306.243.327.789	340.372.742.007



Phạm Thị Hồng Yến
Người lập



Nguyễn Ngọc Anh
Kế toán trưởng



Đỗ Thị Bích Hà
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 3 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

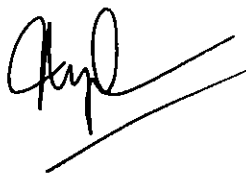
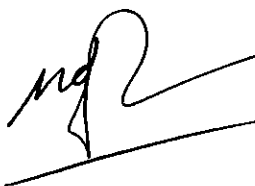
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	211.136.859.656	249.763.896.313
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		211.136.859.656	249.763.896.313
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	196.358.914.702	231.158.097.185
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		14.777.944.954	18.605.799.128
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	5.398.617.391	4.644.267.052
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	3.182.990.609	(4.077.582.764)
Trong đó: chi phí lãi vay	23		477.024.508	197.273.357
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	10.631.345.520	12.201.067.227
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	5.270.121.413	14.137.409.128
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.092.104.803	989.172.589
11. Thu nhập khác	31		76.857.080	2.054.143.214
12. Chi phí khác	32		563.501.691	764.169.652
13. Lợi nhuận khác	40		(486.644.611)	1.289.973.562
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		605.460.192	2.279.146.151
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.13	138.959.598	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		466.500.594	2.279.146.151
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.7		
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.7		


Phạm Thị Hồng Yến
Người lập

Nguyễn Ngọc Anh
Kế toán trưởngĐỗ Thị Bích Hà
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 3 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		605.460.192	2.279.146.151
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.8, 9	1.094.566.954	1.104.693.804
- Các khoản dự phòng	03	V.2a, 2c, 6	(8.038.286.095)	(3.980.732.711)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.4	1.376.630.001	(19.998.442)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	(5.374.846.148)	(4.987.582.766)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	477.024.508	197.273.357
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(9.859.450.588)	(5.407.200.607)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		28.835.545.688	(52.075.281.168)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		5.546.052.015	(151.756.844)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(36.027.316.341)	23.745.956.007
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		39.995.652	(31.234.874)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		37.027.459.622	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(477.024.508)	(197.273.357)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.13	(25.412.534)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		25.059.849.006	(34.116.790.843)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	450.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(6.173.557.178)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(1.124.271.592)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	V.2c	1	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5a, VI.3	4.872.275.977	4.811.006.553
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.301.281.200)	4.136.734.961

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là thương mại và dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: thực hiện dịch vụ hàng hải, đại lý vận tải biển và dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu, cung cấp vật tư thiết bị cho các công trình dầu khí, kho xăng dầu, cung cấp hóa chất phục vụ cho thăm dò và khai thác dầu khí.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Công ty có các công ty con sau:

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Thương mại Năng Lượng Xanh	Ô 1, ấp Bắc, xã Hòa Long, TP. Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Kinh doanh hóa chất, phụ gia xăng dầu	51,00%	51,00%	51,00%
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí	Tầng 17, Tòa nhà ICON 4, 243A Đê La Thành, phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội	Công nghệ thông tin, viễn thông và tự động hóa, năng lượng sạch	51,85%	51,85%	51,85%

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có 42 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 62 nhân viên).

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chi định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà TP. Hồ Chí Minh (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà TP. Hồ Chí Minh (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà TP. Hồ Chí Minh (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM là giá đóng cửa tại ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp tại ngày kết thúc năm tài chính, thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty chỉ có các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại công ty con, công ty liên kết. Nếu công ty con, công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ vốn điều lệ của Công ty so với tổng vốn điều lệ thực góp tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho của Công ty chỉ có chi phí kinh doanh dịch vụ dở dang. Chi phí kinh doanh dịch vụ dở dang của Công ty chủ yếu là các hợp đồng cung cấp thiết bị vật tư cho các công trình dầu khí và các kho xăng dầu chưa hoàn thành.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là: chi phí sửa chữa bảo trì, chi phí công cụ, dụng cụ và tiền thuê đất trả trước. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí bảo trì

Chi phí bảo trì phản ánh khoản chi phí phục vụ cho việc bảo trì tầng 11 tòa nhà đang thuê, khoản chi phí này được phân bổ theo thời gian thuê với thời hạn còn lại là 38 năm.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước phản ánh khoản tiền thuê đất đã trả cho phân đất ở Cà Mau. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê (549 tháng).

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 46
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05
Tài sản cố định hữu hình khác	04



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa theo thời gian sử dụng lô đất là 50 năm, quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của chương trình phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Chương trình phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

12. Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

13. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

14. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

15. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một Cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

18. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính (không bao gồm khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết).

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ phải trả tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm có các khoản phải trả người bán, các khoản vay, các khoản phải trả khác và chi phí phải trả.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	168.191.790	123.330.385
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	22.461.054.848	7.803.927.482
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng) ⁽ⁱ⁾	29.475.095.343	20.476.664.831
Cộng	52.104.341.981	28.403.922.698

- ⁽ⁱ⁾ Các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 3,3% - 4,0%/năm. Trong đó, khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh với số tiền là 24.036.890.586 VND đã được sử dụng làm tài sản đảm bảo để vay vốn tại ngân hàng này (xem thuyết minh số V.16).

2. Các khoản đầu tư tài chính

2a. Chứng khoán kinh doanh

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet (VJC)	-	-	-	37.027.459.622	36.754.680.000	(272.779.622)
Cộng	-	-	-	37.027.459.622	36.754.680.000	(272.779.622)

Tình hình biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	272.779.622	6.859.459.622
Hoàn nhập dự phòng	(272.779.622)	(6.586.680.000)
Số cuối năm	-	272.779.622

2b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 5 - 6 tháng tại Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh với lãi suất từ 4,0% - 5,8%/năm.

Công ty đã sử dụng các khoản tiền gửi với số tiền là 7.856.306.563 VND để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn tại chính ngân hàng này (xem thuyết minh số V.16).

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào công ty con	31.486.687.800	-		31.486.687.800	-	
Công ty Cổ phần Thương mại Năng Lượng Xanh	9.526.687.800	-		9.526.687.800	-	
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin, Viễn thông và Tự động hoá Dầu khí	21.960.000.000	-	19.983.600.000	21.960.000.000	-	20.862.000.000
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	-	-		2.500.000.000	(2.500.000.000)	
Công ty Cổ phần Hậu cần Dầu khí Petechim	-	-		2.500.000.000	(2.500.000.000)	
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	24.000.000.000	-		24.000.000.000	-	
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	11.000.000.000	-		11.000.000.000	-	
Công ty Cổ phần Sản xuất và Chế biến Dầu khí Phú Mỹ	10.000.000.000	-		10.000.000.000	-	
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Miền Trung	3.000.000.000	-		3.000.000.000	-	
Cộng	55.486.687.800	-		57.986.687.800	(2.500.000.000)	

Giá trị hợp lý

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc năm tài chính. Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể.

Tình hình hoạt động của các công ty con và công ty liên kết

Công ty Cổ phần Hậu cần Dầu khí Petechim hiện không còn là công ty liên kết của Công ty do Công ty đã hoàn tất việc chuyển nhượng phần vốn góp của Công ty trong công ty này cho Ông Vũ Hoàng Minh với giá 1 VND. Các công ty con vẫn đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	2.500.000.000	2.202.544.541
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng	(2.500.000.000)	297.455.459
Số cuối năm	-	2.500.000.000

Giao dịch với các công ty con và công ty liên kết

Công ty có các giao dịch với các công ty con như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Thương mại Năng Lượng Xanh		
Bán hàng hóa	3.342.370.000	12.002.513.990
Phí thuê kho	14.448.611	-
Cổ tức	1.639.288.192	973.972.031
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí		
Nhận cổ tức	878.000.000	439.200.000

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tổng công ty Dầu Việt Nam (là bên liên quan)	84.190.000	319.948.271
Công ty Cổ phần Xây dựng Năng lượng MCD Việt Nam	27.387.278.531	-
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ FM	12.715.994.496	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC	12.296.957.400	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí ⁽ⁱ⁾	33.245.000.000	33.245.000.000
Công ty Cổ phần Vietjetair Cargo	-	17.797.336.113
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Hàng không Viễn Đông	1.121.695.265	13.865.116.682
Liên doanh Việt Nga Vietsovetpetro	2.393.133.694	37.497.230.811
Các khách hàng khác	21.822.154.227	37.173.170.562
Cộng	111.066.403.613	139.997.802.439

- ⁽ⁱ⁾ Khoản công nợ phải thu Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí đã quá hạn. Công ty đã nộp hồ sơ khiếu kiện lên Tòa án nhân dân TP. Vũng Tàu và đã nhận được Quyết định Công nhận sự thỏa thuận của các bên về việc Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí sẽ thanh toán nợ gốc và lãi cho Công ty thành 3 đợt từ ngày 30 tháng 4 năm 2020 đến ngày 30 tháng 9 năm 2020 với số tiền gốc là 33.345.000.000 VND và lãi là 900.000.000 VND. Tuy nhiên, cho đến thời điểm hiện tại Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí mới chỉ thanh toán 100.000.000 VND, số còn lại vẫn chưa thanh toán cho Công ty theo lịch trả nợ đã cam kết.

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Hưng Yên	7.773.056.067	7.773.056.067
Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật MEGA	9.075.761.748	5.444.529.678
Công ty TNHH Năng lượng NMT	4.042.469.344	3.923.502.100
Các nhà cung cấp khác	485.597.146	695.175.855
Cộng	21.376.884.305	17.836.263.700

5. Phải thu khác**5a. Phải thu ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
Phải thu bên liên quan	878.000.000	-	464.200.000	-
Công ty Cổ phần Công nghệ thông tin viễn thông và Tự động hoá Dầu khí - phải thu cổ tức	878.000.000	-	439.200.000	-
Tổng công ty Dầu Việt Nam - phải thu ký quỹ	-	-	25.000.000	-
Các khoản phải thu khác	9.878.882.221	-	708.399.517	-
Các khoản ký quỹ	8.332.002.530	-	93.700.000	-
Lãi dự thu	500.072.749	-	436.302.578	-
Phải thu khác	1.046.806.942	-	178.396.939	-
Cộng	10.756.882.221	-	1.172.599.517	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công ty Cổ phần Vietjetair Cargo - ký quỹ hợp đồng làm tổng đại lý hàng hóa	-	-	10.500.000.000	-
Các khoản ký quỹ khác	35.000.000	-	131.669.900	-
Cộng	35.000.000	-	10.631.669.900	-

6. Nợ quá hạn

	Thời gian quá hạn	Số cuối năm		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Schlumberger Seaco Inc.	Trên 3 năm	19.402.858	-	Trên 3 năm	19.402.858	-
Swiber Offshore Construction Pte. Ltd.	Trên 3 năm	101.541.625	-	Trên 3 năm	101.673.326	-
DNTN Cà phê Minh Tiến	Trên 3 năm	562.006.000	-	Trên 3 năm	562.006.000	-
Công ty TNHH Cần ống khoan Dầu khí Việt Nam	Trên 3 năm	52.395.750	-	Trên 3 năm	52.395.750	-
Công ty TNHH Hưng Yên	Trên 3 năm	7.773.056.067	-	Trên 3 năm	7.773.056.067	-
Công ty Cổ phần Xây Lắp Đường Ống Bê Chứa Dầu Khí	Trên 3 năm	33.245.000.000	33.245.000.000	Trên 3 năm	33.245.000.000	33.245.000.000
Liên doanh Việt Nga Vietsovpetro	Từ 2 năm đến dưới 3 năm	25.298.994	7.589.698	Từ 1 năm đến dưới 2 năm	25.298.994	12.649.488
	Trên 3 năm	894.869.317	-	Trên 3 năm	894.869.317	-
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí		-	-	Trên 3 năm	5.724.950.840	425.077.308
Công ty Cổ phần phân bón dầu khí Cà Mau (PVCFC)	Từ 1 năm đến dưới 2 năm	98.129.900	68.690.930		-	-
Cộng		42.771.700.511	33.321.280.628		48.398.653.152	33.682.726.796

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	14.715.926.356	12.407.434.526
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng	(5.265.506.473)	2.308.491.830
Số cuối năm	9.450.419.883	14.715.926.356

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí dở dang cho các công trình:				
- Thiết kế di dời trung tâm dữ liệu cho Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà TP. Hồ Chí Minh	-	-	283.897.470	-
- Dịch vụ hàng không	-	-	2.124.200.000	-
- Dự án kho xăng dầu Nghi Sơn	-	-	1.045.454.545	-
- Cung cấp thiết bị Booster Compressor Package	-	-	2.092.500.000	-
- Dự án Nhơn Trạch 2	-	-	-	-
- Các dự án khác	57.591.572	-	57.591.572	-
Cộng	57.591.572	-	5.603.643.587	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**8. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	46.553.733.671	1.692.280.910	1.728.850.583	55.914.748	50.030.779.912
Số cuối năm	46.553.733.671	1.692.280.910	1.728.850.583	55.914.748	50.030.779.912
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	1.795.591.151	1.692.280.910	1.728.850.583	55.914.748	5.272.637.392
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	8.768.780.063	1.584.683.512	1.728.850.583	55.914.748	12.138.228.906
Khấu hao trong năm	973.003.104	107.597.398	-	-	1.080.600.502
Số cuối năm	9.741.783.167	1.692.280.910	1.728.850.583	55.914.748	13.218.829.408
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	37.784.953.608	107.597.398	-	-	37.892.551.006
Số cuối năm	36.811.950.504	-	-	-	36.811.950.504
Trong đó:					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

9. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	2.180.000.000	154.472.660	2.334.472.660
Số cuối năm	2.180.000.000	154.472.660	2.334.472.660
Trong đó:			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	154.472.660	154.472.660
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	85.082.895	154.472.660	239.555.555
Khấu hao trong năm	13.966.452	-	13.966.452
Số cuối năm	99.049.347	154.472.660	253.522.007
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	2.094.917.105	-	2.094.917.105
Số cuối năm	2.080.950.653	-	2.080.950.653
Trong đó:			
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

10. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí thuê đất	60.172.681	61.637.618
Chi phí sửa chữa, bảo trì	653.598.131	673.455.337
Chi phí công cụ, dụng cụ	33.883.505	52.557.014
Cộng	747.654.317	787.649.969

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Phải trả người bán

11a. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tổng công ty Dầu Việt Nam (là bên liên quan)	3.864.517.800	7.914.512.516
Technical America Inc.	12.465.460.000	21.641.040.000
Công ty Cổ phần Vietjetair Cargo	-	25.612.598.314
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Hàng không Viễn Đông	-	4.648.222.610
Công ty Cổ phần Cơ - Điện - Môi trường LILAMA	12.210.367.206	-
Công ty TNHH Đầu tư và Giải pháp công nghệ tổng hợp Leveltech	5.922.503.254	-
SJ Solar + Storage Pte., Ltd.	26.012.428.128	-
Các nhà cung cấp khác	1.773.057.359	5.585.548.239
Cộng	62.248.333.747	65.401.921.679

11b. Phải trả người bán dài hạn

Khoản phải trả cho Tổng công ty Dầu Việt Nam (là bên liên quan).

Ngày 15 tháng 10 năm 2012, Công ty đã ký Hợp đồng số 378/PVOIL.TCKT.PETECHIM/06-12/B với Tổng công ty Dầu Việt Nam về việc nhận chuyển nhượng tài sản gắn liền với đất là toàn bộ tầng 11, Tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh. Tổng giá trị hợp đồng là 50.238.731.400 VND bao gồm tiền sử dụng đất, 2% phí bảo trì tòa nhà và thuế giá trị gia tăng. Khoản nợ này được trả chậm trong vòng 15 năm (sau 5 năm kể từ ngày ký hợp đồng các bên sẽ xem xét lại thời hạn trả chậm). Nợ gốc sẽ được trả theo số tiền cố định bình quân mỗi nửa năm tính trên số năm của hợp đồng và thanh toán lãi trả chậm mỗi nửa năm. Lãi trả chậm được tính dựa trên số dư nợ gốc giảm dần theo năm thanh toán với lãi suất huy động năm thời hạn 6 tháng trả sau của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam tại ngày cuối cùng của năm tính lãi. Giá gốc để tính lãi trả chậm bằng 95% giá trị hợp đồng, 5% còn lại sẽ được gộp vào tính lãi khi Tổng công ty Dầu Việt Nam thanh toán cho Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí.

Lịch trả nợ được thực hiện theo biểu sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	3.864.517.800	3.864.517.800
Trên 1 năm đến 5 năm	15.458.071.200	15.458.071.200
Trên 5 năm	5.796.776.700	9.661.294.500
Cộng	25.119.365.700	28.983.883.500
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng	3.864.517.800	3.864.517.800
Số phải trả sau 12 tháng	21.254.847.900	25.119.365.700

11c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH MTV Nhiên liệu Hàng không Việt Nam	9.430.000.000	5.658.000.000
Chi nhánh Tổng công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần - Công ty Vận chuyển khí Đông Nam Bộ	-	4.380.101.000
Các khách hàng khác	-	27.485.862
Cộng	9.430.000.000	10.065.586.862

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	300.291.713	-	731.009.661	(1.031.301.374)	-	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	2.987.619.567	(2.987.619.567)	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	602.188.167	(602.188.167)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	113.547.064	138.959.598	(25.412.534)	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	788.597.805	-	435.128.840	(1.041.958.087)	181.768.558	-
Các loại thuế khác	-	-	287.184.014	(287.184.014)	-	-
Cộng	1.088.889.518	113.547.064	5.182.089.847	(5.975.663.743)	181.768.558	-

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Dịch vụ cước vận tải quốc tế	:	0%
- Bán hàng hóa và dịch vụ khác	:	10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	605.460.192	2.279.146.151
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	456.864.223	174.092.590
- Các khoản điều chỉnh giảm	(2.892.630.535)	(1.799.572.671)
Thu nhập chịu thuế	(1.830.306.120)	653.666.070
Lỗi các năm trước được chuyển	-	(653.666.070)
Thu nhập tính thuế	(1.830.306.120)	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	-
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	138.959.598	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	138.959.598	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi Cơ quan thuế kiểm tra.

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho khoản lỗ tính thuế được chuyển sang trừ vào thu nhập chịu thuế các năm sau do đánh giá tình hình kinh doanh có thể bị tác động không tốt vì ảnh hưởng của dịch bệnh.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí cung cấp hệ thống pha chế E5- E10	379.836.480	379.836.480
Chi phí mua hóa chất Kim Ngưu	-	1.006.348.800
Chi phí giá vốn dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 2	732.152.964	-
Hợp đồng điện lực Cà Mau	-	3.566.820.000
Dự án Nghi Sơn	209.610.000	209.610.000
Chi phí phải trả khác	382.817.376	325.218.100
Cộng	1.704.416.820	5.487.833.380

15. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tổng công ty Dầu Việt Nam (là bên liên quan) - lãi trả chậm	2.648.683.387	3.779.787.335
Cổ tức phải trả	4.998.149.450	5.062.218.450
Kinh phí công đoàn	50.813.506	212.363.494
Bảo hiểm xã hội	-	404.270.544
Bảo hiểm y tế	-	44.237.616
Bảo hiểm thất nghiệp	-	23.977.750
Công ty Cổ phần Vietjetair Cargo - phải trả cước vận chuyển hàng hóa	-	2.124.200.000
Nhận ký quỹ làm đại lý hàng hóa	650.000.000	-
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	69.398.221	2.740.920
Cộng	8.417.044.564	11.653.796.109

Công ty không có nợ quá hạn chưa thanh toán.

16. Vay ngắn hạn

Trong năm Công ty vay Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động và đã tất toán các khoản vay này vào cuối năm. Các khoản vay này được bảo đảm bằng việc thế chấp các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại chính ngân hàng này (xem thuyết minh số V.1 và V.2b).

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

Số đầu năm	-
Số tiền vay phát sinh	14.886.789.436
Số tiền vay đã trả	(14.886.789.436)
Số cuối năm	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

17. Vốn chủ sở hữu**17a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	200.000.000.000	35.005.342.627	(34.819.659.548)	200.185.683.079
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	2.279.146.151	2.279.146.151
Số dư cuối năm trước	200.000.000.000	35.005.342.627	(32.540.513.397)	202.464.829.230
Số dư đầu năm nay	200.000.000.000	35.005.342.627	(32.540.513.397)	202.464.829.230
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	466.500.594	466.500.594
Số dư cuối năm nay	200.000.000.000	35.005.342.627	(32.074.012.803)	202.931.329.824

17b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	Tỷ lệ %	VND	Tỷ lệ %
Tổng công ty Dầu Việt Nam	58.000.000.000	29,0	58.000.000.000	29,0
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tràng An	46.200.000.000	23,1	46.200.000.000	23,1
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Liên Minh Việt Nam	22.000.000.000	11,0	22.000.000.000	11,0
Ông Dương Công Ái	33.800.000.000	16,9	33.800.000.000	16,9
Các cổ đông khác	40.000.000.000	20,0	40.000.000.000	20,0
Cộng	200.000.000.000	100,0	200.000.000.000	100,0

17c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	20.000.000	20.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	20.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	20.000.000	20.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	20.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

18. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**Ngoại tệ các loại**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dollar Mỹ (USD)	12.673,57	17.964,59
Euro (EUR)	3.231,98	3.231,86

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	131.219.799.236	155.780.771.328
Doanh thu cung cấp dịch vụ	77.040.562.546	91.106.627.103
Doanh thu cho thuê	2.876.497.874	2.876.497.882
Cộng	211.136.859.656	249.763.896.313

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài các giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ với các công ty con và công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2c, Công ty chỉ phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho Tổng công ty Dầu Việt Nam với số tiền là 679.000.000 VND (năm trước không có giao dịch phát sinh).

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	119.673.824.391	146.751.945.659
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	76.685.090.311	84.406.151.526
Cộng	196.358.914.702	231.158.097.185

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	2.487.557.956	2.738.010.095
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.887.288.192	1.799.572.671
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	20.010.865	86.685.843
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	19.998.443
Doanh thu khác	3.760.378	-
Cộng	5.398.617.391	4.644.267.052

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	477.024.508	197.273.357
Lãi trả chậm	1.526.510.447	1.803.874.989
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	75.605.276	209.331.038
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	1.376.630.001	1.162.393
Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(272.779.623)	(6.289.224.541)
Cộng	3.182.990.609	(4.077.582.764)

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	6.946.564.627	7.829.426.450
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	2.401.668	600.417
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.037.133.976	621.015.103
Các chi phí khác	2.645.245.249	3.750.025.257
Cộng	10.631.345.520	12.201.067.227

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	4.173.108.732	5.943.015.774
Chi phí đồ dùng văn phòng	36.129.048	22.720.300
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.094.566.954	1.104.693.804
Dự phòng/(Hoàn nhập dự phòng) phải thu khó đòi	(5.265.506.473)	2.308.491.830
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.884.836.936	2.022.839.201
Các chi phí khác	3.346.986.216	2.735.648.219
Cộng	5.270.121.413	14.137.409.128

7. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí mua hàng hóa	133.608.652.512	146.808.342.923
Chi phí nhân công	11.119.673.359	13.772.442.224
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.094.566.954	1.104.693.804
Chi phí dịch vụ mua ngoài	79.808.228.593	86.345.973.333
Chi phí khác	765.255.708	9.890.198.564
Cộng	226.396.377.126	257.921.650.848

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Các giao dịch không bằng tiền

Trong năm, Công ty đã trả nợ mua tài sản cố định bằng cách cắt trừ công nợ phải trả tiền mua tài sản cố định với khoản phải thu trị giá 4.049.994.716 VND (năm trước là 6.842.368.227 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt trong năm là 850.780.000 VND (năm trước là 630.586.134 VND).

1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng công ty Dầu Việt Nam	Cổ đông góp 29% vốn điều lệ
Công ty Cổ phần Thương mại Năng Lượng Xanh	Công ty con
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí	Công ty con
Công ty Cổ phần Hậu cần Dầu khí Petechim	Công ty liên kết

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài giao dịch với các công ty con và công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2c và giao dịch bán hàng cho các bên liên quan khác không phải là công ty con và công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với Tổng công ty Dầu Việt Nam như sau:

	Năm nay	Năm trước
Mua hàng hóa	3.218.181.818	11.551.818.182
Lãi trả chậm	1.526.510.447	2.250.045.891

Giá dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận. Việc mua dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.5a, V.11a, V.11b và V.15.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

2a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VIII.3 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hoặc chưa bị giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	52.104.341.981	-	52.104.341.981
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	24.486.290.756	-	24.486.290.756
Phải thu khách hàng	68.294.703.102	42.771.700.511	111.066.403.613
Các khoản phải thu khác	2.424.879.691	-	2.424.879.691
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	24.000.000.000	-	24.000.000.000
Cộng	171.310.215.530	42.771.700.511	214.081.916.041
Số đầu năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	28.403.922.698	-	28.403.922.698
Chứng khoán kinh doanh	37.027.459.622	-	37.027.459.622
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	18.312.733.578	-	18.312.733.578
Phải thu khách hàng	91.599.149.287	48.398.653.152	139.997.802.439
Các khoản phải thu khác	1.053.899.517	-	1.053.899.517
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	24.000.000.000	-	24.000.000.000
Cộng	200.397.164.702	48.398.653.152	248.795.817.854

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản thuần có gốc USD của Công ty như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.673,57	17.964,59
Phải thu khách hàng	22.439,00	54.394,50
Phải trả người bán	(541.172,50)	(932.000,00)
Tài sản thuần có gốc USD	(506.059,93)	(859.640,91)

Tài sản thuần có gốc EUR của Công ty như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.231,98	3.231,86
Phải trả người bán	(909.144,00)	-
Tài sản thuần có gốc USD	(905.912,02)	3.231,86

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

Rủi ro về giá hàng hóa

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa.

3. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

Giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền và các khoản tương đương tiền	52.104.341.981	-	28.403.922.698	-
Chứng khoán kinh doanh	-	-	37.027.459.622	(272.779.622)
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	24.486.290.756	-	18.312.733.578	-
Phải thu khách hàng	111.066.403.613	(9.450.419.883)	139.997.802.439	(14.715.926.356)
Các khoản phải thu khác	2.424.879.691	-	1.053.899.517	-
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	24.000.000.000	-	24.000.000.000	-
Cộng	214.081.916.041	(9.450.419.883)	248.795.817.854	(14.988.705.978)

Nợ phải trả tài chính

Giá trị ghi sổ của nợ phải trả tài chính như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán	83.503.181.647	90.521.287.379
Các khoản phải trả khác	10.001.249.657	14.329.839.165
Cộng	93.504.431.304	104.851.126.544

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ngày 08 tháng 3 năm 2021 Công ty đã ký kết hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp vào Công ty Cổ phần Thương mại Năng Lượng Xanh cho Ông Trần Văn Cảnh với giá chuyển nhượng là 13.260.000.000 VND.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính cần phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

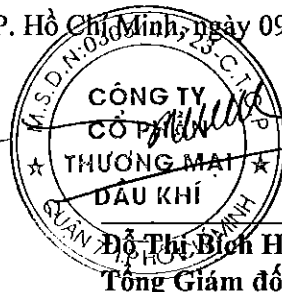
5. Thông tin khác

Tình hình doanh thu và lợi nhuận trong năm 2020 của Công ty giảm so với năm trước do bị ảnh hưởng của dịch bệnh.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 3 năm 2021

Phạm Thị Hồng Yến
Người lập

Nguyễn Ngọc Anh
Kế toán trưởng



Đỗ Thị Bích Hà
Tổng Giám đốc

